TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2019/DSPT Ngày: 21-8-2019 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền; ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 09/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019; do có kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ H đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-PT ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên toà dân sự phúc thẩm số 17/2019/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Lệ H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

- *Nguyên đơn chị Lê Thị Lệ H trình bày*: Xuất phát từ mối quan hệ thân quen, trong năm 2017 chị đã cho chị Nguyễn Thị H vay tiền nhiều lần (ngày 18/6; ngày 17/8; ngày 21/8 và ngày 17/9) với tổng số tiền 55.000.000đ. Các lần vay hai bên đều hẹn sau 1 tuần hoặc chậm nhất là 3 tháng phải trả lại. Khi viết giấy vay hai bên không tính lãi. Đến hạn chị Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù chị Lệ H đã yêu cầu trả nhiều lần nên chị làm đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện Hương Khê yêu cầu chị Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*: Chị chỉ thừa nhận số tiền nợ 45.000.000đ, còn khoản nợ 10.000.000đ vay ngày 18/6/2017 chị không thừa nhận mà cho rằng đây là khoản tiền chị đã vay của chị Trần Thị Thu H và số tiền này chị đã trả cho chị H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử:

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 351, 352, 357, 466, 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 35, Điều 48; khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b, khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ H.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Lê Thị Lệ H số tiền 45.000.000 đồng.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn chị Lê Thị Lệ H kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 25 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, đối với khoản nợ 10.000.000 đồng ngày 18/6/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung dung đơn kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, Toà án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H không rõ lý do. Qua việc kiểm tra thủ tục triệu tập đối với bị đơn đều đảm bảo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét thấy đây là phiên toà được mở lần thứ hai nhưng chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét Giấy vay tiền đề ngày 18/6/2017 thấy rằng: Có bên vay là chị Nguyễn Thị H, có số tiền vay là 10.000.000đ, có thời hạn vay 3 tháng. Tuy nhiên không rõ bên cho vay tên "Hằ" hay "Hư" vì có dấu hiệu bị tẩy xóa. Nguyên đơn cho rằng việc sửa từ tên "Hư" thành tên "Hằ" là do bị đơn tự sửa; bị đơn cho rằng là do

nguyên đơn sửa. Việc tẩy xóa trong giấy vay tiền này đã dẫn đến thay đổi hoàn toàn bản chất sự việc, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần phải căn cứ thuộc tính của chứng cứ để xác định giấy vay tiền này có đủ điều kiện pháp lý để được coi là chứng cứ không?

Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Chứng cứ là những gì có thật"; Điều 95 quy định "Chứng cứ là tài liệu đọc được nội dung". Việc người cho vay là tên "Hằ" hay "Hư" bởi đã bị tẩy xóa đã làm cho giấy vay tiền này không đảm bảo thuộc tính khách quan của chứng cứ, nên không được coi là chứng cứ.

Mặt khác, việc không có họ của người cho vay, không có chữ ký của người cho vay cũng là yếu tố cần phải xem xét để xác định tính khách quan của giấy vay tiền này.

Tại cấp sơ thẩm bản thân nguyên đơn cũng từng thừa nhận khoản tiền này bị đơn vay của chị Trần Thị Thu H chứ không phải vay của nguyên đơn (bút lục số 27 có tại hồ sơ vụ án). Mặc dù, nguyên đơn có quyền thay đổi lời khai nhưng qua nội dung này chứng tỏ sự mâu thuẫn trong việc xác định bị đơn vay tiền của ai?

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Toà án cho giám định chữ viết bị tẩy xoá là tên "Hư" hay tên "Hằ" vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần xác định Giấy vay tiền đề ngày 18/6/2017 không phải là chứng cứ, do đó không đủ căn cứ để xác định chị Nguyễn Thị H có vay chị Lê Thị Lệ H số tiền 10.000.000 đ vào ngày 18/6/2017.

Vì vậy, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại khoản tiền 10.000.0000đ vay ngày 18/6/2017 cho nguyên đơn Lê Thị Lệ H là có căn cứ.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ H. Giữ nguyên Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng Điều 116, 117, 351, 352, 357, 463, 466, 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 35, khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, tuyên xử: Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ Hằ.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Lê Thị Lệ H tổng số tiền vay 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Lê Thị Lệ H phải chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản yêu cầu không được toà án chấp nhận. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 001367 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Trả lại cho chị Lê Thị Lệ H số tiền 875.000 đồng (tám trăm bảy lăm ngàn đồng) còn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 001425 ngày 8/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Hương Khê;
- Chi cục THA.DS huyện Hương Khê;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hải